

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/DS-PT

Ngày 27/3/2024

V/v: “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nam.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Thanh Sơn và ông Triệu Ngọc Thúc

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Nam, Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang:* Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2023/TLPT - DS, ngày 29 tháng 11 năm 2023, về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST, ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2024/QĐ-PT, ngày 29 tháng 01 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐ-PT, ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, giữa các đương sự:

*** *Đồng nguyên đơn:***

1. Ông Phùng Văn L, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn Lấp II, xã Phú L, huyện Vị X, tỉnh Hà G, vắng mặt.

2. Bà Phùng Thị T, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn Cây Nh, xã Tân Th, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q, có mặt.

3. Anh Phùng Thế H, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Khuôn R, xã Phúc U, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q, có mặt.

- *Người đại diện theo uỷ quyền và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đồng nguyên đơn:* Luật sư Vũ Trung K, Công ty luật TNHH Vũ Kiên, địa chỉ: MG4 -09 – Vincom, đường HHT, phường Phan Th, thành phố Tuyên Q, tỉnh Tuyên Q. (có mặt).

*** *Đồng bị đơn:***

1. Ông Phùng Văn D, sinh năm 1963, vắng mặt;

2. Bà Nông Thị T1, sinh năm 1968, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn 10b, xã Cư A, huyện EH, tỉnh ĐL.

Người đại diện theo uỷ quyền và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đồng bị đơn: Luật sư Trần Văn L1, Văn phòng luật sư số 1, Vĩnh Phúc, địa chỉ 32A, đường Nguyễn Tr, phường Liên B, thành phố Vĩnh Y, tỉnh Vĩnh P, có mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1974, vắng mặt;
 2. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1981, vắng mặt;
Cùng địa chỉ: Thôn Vĩnh S, xã Tân Th, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q.
 3. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn Khuôn R, xã Phúc U, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q, vắng mặt;
 4. Anh Phùng Thế Ch, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 6 An L, xã An T, huyện An L, thành phố Hải P, vắng mặt.
 5. Chị Phùng Thị Diệu L2, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn Đồng L, xã Tân Th, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q, vắng mặt.
 6. Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn Vĩnh S, xã Tân Th, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q, vắng mặt.
 7. Ông Phùng Văn H2, sinh năm 1977, có mặt.
 8. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1979, có đơn xét xử vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Thôn Tân Th, (nay là thôn Lục L), xã Tân Th, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q.
 9. Ủy ban nhân dân xã Phúc U, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q.
Người đại diện theo pháp luật ông D Xuân T2, chức vụ: Chủ tịch UBND xã Phúc U, vắng mặt.
- *Người đại diện theo uỷ quyền của Bà Phạm Thị B, Anh Phùng Thế Ch, Chị Phùng Thị Diệu L2 là:* Anh Phùng Thế H, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Khuôn R, xã Phúc U, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q.
- *Người đại diện theo uỷ quyền của Ông Phạm Văn Đ, Ông Nguyễn Xuân Tr, Bà Lê Thị H1 là:* Luật sư Trần Văn L1, Văn phòng luật sư số 1, Vĩnh Phúc, địa chỉ 32A, đường Nguyễn Tr, phường Liên B, thành phố Vĩnh Y, tỉnh Vĩnh P.
- *Người kháng cáo:* Bị đơn Ông Phùng Văn D, Bà Nông Thị T1 và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Luật sư Trần Văn L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, các đồng nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của các đồng nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng cụ Phùng Văn N (sinh năm 1922, mất năm 2013) và cụ La Thị A (sinh năm 1929, mất ngày 28/12/2020), vợ chồng cụ N và cụ A sinh được 04 người con là ông Phùng Tuấn Kh, sinh năm 1957, chết tháng 01/2020; Ông Phùng Văn L, sinh năm 1963, Ông Phùng Văn D, sinh năm 1963 và Bà Phùng Thị T, sinh năm 1969. Quá trình chung sống vợ chồng cụ N và cụ A tạo dựng được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Sơn Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số C509074, ngày 08 tháng 4 năm 1996 đứng tên Phùng Văn N, địa chỉ thửa đất tại Thôn Khuôn R, xã Phúc U, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q và tài sản trên đất là nhà sàn cột gỗ, vách sàn gỗ. Năm 2011, cụ Phùng Văn N đã hai lần chuyển nhượng một

phần diện tích đất cho ông Phùng Văn H2 và bà Nguyễn Thị Nh với diện tích đất là 706,4m², trong đó có 100m² đất ở nông thôn, 606m² đất trồng cây lâu năm. Hai bên đã thực hiện xong việc chuyển nhượng và ông H2, bà Nh đã được UBND huyện Sơn Dương cấp GCNQSD đất theo quy định. Ngày 15/10/2012 cụ N, cụ A đã họp gia đình và thống nhất giao đất thổ cư, vườn tạp cho Ông Phùng Văn D được quyền sử dụng do vợ chồng ông D, bà T có công chăm sóc các cụ khi ốm đau. Việc họp gia đình được thể hiện tại Đơn đề nghị (biên bản họp gia đình) có chữ ký của Bí thư và trưởng thôn Khuôn R, xã Phúc U. Tại buổi họp có mặt cụ N, cụ A, vợ chồng Ông Phùng Văn D, Bà Nông Thị T1 và vợ chồng Ông Phùng Văn L, bà Đỗ Thị L3, không có mặt vợ chồng ông Kh, vợ chồng bà T có tên nhưng không được ký biên bản họp gia đình.

Năm 2013, cụ N chết không để lại di chúc. Ngày 02/6/2017, cụ A, ông Kh, ông L, ông D, bà T thống nhất thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cụ N với nội dung: Các hàng thừa kế thứ nhất của cụ nhất trí giao toàn bộ diện tích đất theo GCNQSD đất số C509074 đứng tên cụ Phùng Văn N cho cụ La Thị A toàn quyền sử dụng. Việc phân chia thừa kế được lập thành văn bản có chứng thực của UBND xã Phúc U, huyện Sơn D. Ngày 09/11/2017, cụ A và ông D, bà T1 lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất với nội dung: Cụ A tặng cho ông D và bà T1 quyền sử dụng đối với thửa đất số 209, tờ bản đồ số 45, diện tích 8.153,6m² tại Thôn Khuôn R, xã Phúc U, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q.

Ngày 09/9/2019, ông D và bà T1 đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C509074 mang tên Phùng Văn N cho Ông Nguyễn Xuân Tr và Ông Phạm Văn Đ, cùng trú tại thôn Vĩnh S, xã Tuân L (nay là xã Tân Th), huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q. Khi chuyển nhượng có viết giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất, có chữ ký của vợ chồng ông D, bà T1 và ông Tr, ông Đ. Khi đang làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì xảy ra tranh chấp với các đồng thừa kế trong gia đình.

Tháng 01/2020, ông Phùng Tuấn Kh chết (ông Kh có vợ là Bà Phạm Thị B và các con là Phùng Thế H, Phùng Thế Ch và Phùng Thị Diệu L2). Ngày 20/9/2020, cụ La Thị A lập di chúc định đoạt $\frac{1}{2}$ tài sản là quyền sử dụng đất của cụ và phần tài sản cụ được chia thừa kế theo pháp luật cho Ông Phùng Văn D, di chúc có chữ ký của hai người làm chứng là Trần Văn L1, Hoàng Văn G và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Cự A, huyện EH, tỉnh ĐL. Ngày 28/12/2020, cụ La Thị A chết.

Vì vậy, các nguyên đơn Ông Phùng Văn L, Bà Phùng Thị T và Anh Phùng Thế H khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất (QSD đất) lập ngày 09/9/2019 vô hiệu và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế là QSD đất của cụ Phùng Văn N và La Thị A có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C509074, do Ủy ban nhân dân huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 08/4/1996 mang tên Phùng Văn N.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án công nhận bản Di chúc lập ngày 20/9/2020 của cụ La Thị A và Đơn đề nghị (biên bản họp gia đình) ngày 15/10/2012 của cụ Phùng Văn N và cụ La Thị A hợp pháp.

*** Quá trình giải quyết và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đồng nguyên đơn trình bày:**

Nguồn gốc diện tích đất có trong GCNQSD đất số C509074 do UBND huyện Sơn Dương cấp ngày 08/4/1996 mang tên Phùng Văn N là của cụ Phùng Văn N và cụ La Thị A. Năm 2013, cụ N chết không để lại di chúc. Năm 2019, Ông Phùng Văn D đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho Ông Nguyễn Xuân Tr và Phạm Văn Đ không được sự đồng ý của các đồng thừa kế. Đồng thời ông D đã sử dụng hết toàn bộ số tiền chuyển nhượng nên xảy ra tranh chấp. Do vậy, đồng nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế là QSD đất trong GCNQSD đất số C509074 do UBND huyện Sơn D cấp ngày 08/4/1996 mang tên Phùng Văn N. Do bị đơn có yêu cầu phản tố nên người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đồng nguyên đơn đã có quan điểm sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng:

Tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/9/2019 vô hiệu, yêu cầu Ông Nguyễn Xuân Tr, Bà Lê Thị H1, Ông Phạm Văn Đ trả lại toàn bộ diện tích đất đã nhận chuyển nhượng của Ông Phùng Văn D theo GCNQSD đất cấp ngày 08/4/1996 mang tên Phùng Văn N cho các đồng thừa kế.

Không đề nghị giải quyết đối với diện tích đất lúa (đất nông nghiệp) và diện tích đất cụ Phùng Văn N đã bán cho ông Phùng Văn H2 bà Nguyễn Thị Nh.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố, đề nghị tuyên Di chúc ngày 20/9/2020 của cụ La Thị A vô hiệu. Tuyên Đơn đề nghị (biên bản họp gia đình) ngày 15/10/2012, Văn bản phân chia thừa kế ngày 02/6/2017 và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 09/11/2017 không có giá trị pháp lý.

Phân chia thừa kế bằng hiện vật đối với phần diện tích đất còn lại trong GCNQSD đất do UBND huyện Sơn Dương cấp ngày 08/4/1996 mang tên Phùng Văn N theo quy định của pháp luật.

*** Nguyên đơn Anh Phùng Thế H trình bày:** Nhất trí lời trình bày và quan điểm sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đồng nguyên đơn, không sửa đổi, bổ sung gì thêm.

*** Quá trình giải quyết người đại diện theo ủy quyền và bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đồng bị đơn trình bày:** Trong quá trình chung sống vợ chồng cụ Phùng Văn N và cụ La Thị A ở chung nhà với Ông Phùng Văn D, Bà Nông Thị T1 và ông bà là người chăm sóc các cụ khi ốm đau, bệnh tật. Vì vậy, ngày 15/10/2012 các cụ đã họp gia đình thống nhất giao diện tích đất thổ cư, vườn tạp là tài sản của các cụ (hiện đang có tranh chấp thừa kế với đồng nguyên đơn) cho ông D và bà T1 được quyền sử dụng. Năm 2019, ông

D và bà T đã chuyển nhượng diện tích đất trên cho Ông Nguyễn Xuân Tr và Ông Phạm Văn Đ, cụ A biết và cũng đồng ý với việc chuyển nhượng trên. Nhưng khi thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật thì xảy ra tranh chấp với các anh em trong gia đình. Thời điểm xảy ra tranh chấp cụ A còn sống và nói được, tuy nhiên ông Phùng Tuấn Kh, Ông Phùng Văn L và Bà Phùng Thị T cố ý không nghe. Nên ngày 20/9/2020, cụ La Thị A lập di chúc tiếp tục định đoạt $\frac{1}{2}$ tài sản là quyền sử dụng đất có thông tin nêu trên và phần tài sản cụ A được hưởng khi chia thừa kế cho con trai là Ông Phùng Văn D. Điều đó thể hiện ý chí của các cụ là cho ông D được toàn quyền sử dụng, sở hữu tài sản chung của các cụ.

Nay Ông Phùng Văn L, Bà Phùng Thị T và Anh Phùng Thế H khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật thì phía bị đơn không nhất trí vì tài sản trên đã được cụ N, cụ A giao quyền sử dụng cho ông D và bà T1. Nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn không đề nghị giải quyết phần diện tích đất lúa và đất đã chuyển nhượng cho ông Phùng Văn H2, bà Nguyễn Thị Nh.

Đề nghị HĐXX công nhận biên bản họp gia đình ngày 15/10/2012 và bản di chúc của cụ La Thị A ngày 20/9/2020 hợp pháp và tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của đồng nguyên đơn.

**** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

Lời khai của Ông Nguyễn Xuân Tr, Bà Lê Thị H1 và Ông Phạm Văn Đ có trong hồ sơ trùng với quan điểm của người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn thể hiện: Do mối quan hệ quen biết, ngày 09/9/2019 Ông Nguyễn Xuân Tr cùng Ông Phạm Văn Đ đã thỏa thuận lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C509074 cấp ngày 08/4/1996 đứng tên cụ Phùng Văn N với vợ chồng Ông Phùng Văn D và Bà Nông Thị T1. Khi mua bán có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Hai bên đã thanh toán tiền chuyển nhượng và giao nhận quyền sử dụng đất xong. Hiện ông Tr, bà Hiền đã sử dụng ổn định không có tranh chấp. Do vậy, việc Ông Phùng Văn L, Bà Phùng Thị T và Anh Phùng Thế H khởi kiện đòi lại đất thì ông Tr, bà Hiền, ông Đ không nhất trí.

Lời khai của Bà Phạm Thị B, Phùng Thế Ch và Phùng Thị Diệu L2: Trùng với quan điểm của Anh Phùng Thế H và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đồng nguyên đơn tại phiên tòa thể hiện quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Phùng Văn N và cụ La Thị A có trong GCNQSD đất đã được cấp ngày 08/4/1996 mang tên Phùng Văn N.

Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã Phúc U: Lý do hình dấu giáp lai không tạo thành hình tròn có thể do công chức văn phòng kiêm văn thư lưu trữ có thể kê, đặt văn bản bị lệch hoặc do hình dấu bị móp, méo (theo Kết luận tại biên bản kiểm tra việc quản lý, sử dụng con dấu của Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Tuyên Quang ngày 20/7/2023).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST, ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 467 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 122, 131, 357, 407, 500, 502, 609, 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 649, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 144, 166 Luật đất đai;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn Ông Phùng Văn L, Bà Phùng Thị T, Anh Phùng Thế H:

- Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/9/2019 giữa Ông Phùng Văn D, Bà Nông Thị T1 với Ông Nguyễn Xuân Tr, Ông Phạm Văn Đ không có giá trị pháp lý.

- Đơn đề nghị (biên bản họp gia đình) ngày 15/10/2012 của cụ Phùng Văn N và La Thị A không có giá trị pháp lý.

- Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 02/6/2017 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Phúc U, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q không hợp pháp. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập 09/11/2017 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Phúc U, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q không có giá trị pháp lý.

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của cụ Phùng Văn N.

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của đồng bị đơn Ông Phùng Văn D, Bà Nông Thị T1.

Công nhận Di chúc của cụ La Thị A lập ngày 20/9/2020 có chữ ký người làm chứng Hoàng Văn G, Trần Văn L1 và xác nhận của UBND xã Cư A, huyện EH, tỉnh ĐL hợp pháp. Chia thừa kế theo di chúc đối với di sản thừa kế của cụ La Thị A.

- Xác định diện tích 10.668,6m² đất tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 135 đo vẽ địa chính năm 2012, thuộc Thôn Khuôn R, xã Phúc U, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q là di sản thừa kế của cụ Phùng Văn N và cụ La Thị A. Diện tích đất trên được thể hiện tại mảnh trích đo hiện trạng sử dụng đất đã chỉnh lý bổ sung là: thửa số 5 là diện tích 1.785,3m² đất nuôi trồng thủy sản; thửa số 9 diện tích 1.296,3m² và thửa số 10 diện tích 6.039,2m² là đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm liền đất ở (trong đó có 300m² đất ở nông thôn, 7.035,6m² đất trồng cây lâu năm liền đất ở); thửa số 7 là diện tích 1.547,7m² đất trồng cây lâu năm.

- Chia di sản thừa kế như sau:

- Ông Phùng Văn D được quyền sở hữu, sử dụng 1.547,7m² đất trồng cây lâu năm (thửa số 7 của mảnh trích đo), 6.039,2m² đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm liền đất ở (thửa số 10 của mảnh trích đo), trong đó có 210m² đất ở nông thôn, 5.829,2m² đất trồng cây lâu năm liền đất ở tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 135 đo vẽ địa chính hiện trạng sử dụng năm 2012, thuộc thôn Khuôn R, xã Phúc U, huyện Sơn D và tài sản trên đất là nhà

sàn cột gỗ, vách sàn gỗ. Tổng giá trị tài sản 6.486.708.500 đồng (sáu tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm linh tám nghìn năm trăm đồng).

Ranh giới, vị trí, kích thước thửa đất được thể hiện tại mảnh trích hiện trạng sử dụng đất đã chỉnh lý bổ sung (có sơ đồ kèm theo).

- Ông Phùng Văn L, Bà Phùng Thị T, ông Phùng Tuấn Kh (do vợ và các con của ông Kh là Bà Phạm Thị B, Anh Phùng Thế H, Phùng Thế Ch và Chị Phùng Thị Diệu L2 hưởng thừa kế) được quyền đồng sở hữu, sử dụng 1.785,3m² đất nuôi trồng thủy sản (thửa số 5 của mảnh trích đo), 1.296,3m² đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm liền đất ở (thửa số 9 của mảnh trích đo), trong đó có 90m² đất ở nông thôn, 1.206,3m² đất trồng cây lâu năm liền đất ở tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 135 đo vẽ địa chính hiện trạng sử dụng năm 2012, thuộc thôn Khuôn R, xã Phúc U, huyện Sơn D. Tài sản trên do Anh Phùng Thế H nhận thay.

Ranh giới, vị trí, kích thước thửa đất được thể hiện tại mảnh trích hiện trạng sử dụng đất đã chỉnh lý bổ sung (có sơ đồ kèm theo).

Các bên đương sự có quyền, nghĩa vụ kê khai cấp GCNQSD đất và phải chịu nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/9/2023 bị đơn Ông Phùng Văn D, Bà Nông Thị T1 và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Trần Văn L1 kháng cáo bản án, cho rằng nguyên đơn khởi kiện chỉ yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 209, tờ bản đồ số 45, diện tích đất 8.153,6m². Nay Tòa án cấp sơ thẩm chia cả phần diện tích đất vợ chồng ông D bà T khai phá tại các thửa đất theo mảnh trích đo kiểm tra hiện trạng là thửa đất số 8, diện tích 1.163,6m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 135 đo đạc năm 2012; thửa đất số 7, diện tích 1.547m² đất trồng cây lâu năm; thửa đất số 5, diện tích 1.785m² đất nuôi trồng thủy sản, việc chia cả đất vợ chồng ông D, bà T tự khai phá không phải di sản của cụ N, cụ A là trái quy định của pháp luật. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Ông Phùng Văn D, Bà Nông Thị T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn rút yêu cầu kháng cáo đối với thửa đất số 8, diện tích 1.163,6 m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 135 đo đạc năm 2012; trình bày kháng cáo bổ sung đề nghị xem xét công sức tu bổ, duy trì bảo quản di sản thừa kế cho vợ chồng ông D bà T1 bằng một phần di sản được chia của mỗi nguyên đơn, ngoài ra các nội dung kháng cáo khác giữ nguyên.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, Anh Phùng Thế H, Bà Phùng Thị T và ông Phùng Văn H2 đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương

sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

Về án phí phúc thẩm: Ông Phùng Văn D là người cao tuổi nên ông D được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm. Bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 18/9/2023 bị đơn Ông Phùng Văn D, Bà Nông Thị T1 và người đại diện theo ủy quyền của ông D, bà T1 kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST, ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đơn kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo và quyền kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nên đơn kháng cáo hợp lệ.

[2]. Về nội dung kháng cáo của bị đơn và người đại diện của bị đơn cho rằng nguyên đơn khởi kiện chỉ yêu cầu chia thừa đất số 209, tờ bản đồ số 45, diện tích đất 8.153, 6m². Nay Tòa án cấp sơ thẩm chia cả phần diện tích đất vợ chồng ông D bà T1 khai phá tại các thửa đất theo mảnh trích đo kiểm tra hiện trạng là thửa đất số 7, diện tích 1.547,7m² đất trồng cây lâu năm; thửa đất số 5, diện tích 1.785,3m² đất nuôi trồng thủy sản là trái quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy: Tại đơn khởi kiện ngày 06/7/2020 đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa đất số 209, tờ bản đồ số 45, nhà sàn cột gỗ, được thể hiện tại bút lục số 07, tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/11/2020 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/11/2020 nguyên đơn yêu cầu chia toàn bộ diện tích đất trong giấy CNQSD đất mang tên ông N bút lục 43, 45, quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn không yêu cầu chia diện tích đất mà ông N đã chuyển nhượng cho ông H2, bà Nh và không yêu cầu chia diện tích đất trồng lúa, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự có quyền thay đổi, bổ sung nội dung yêu cầu khởi kiện. Đối với thửa đất số 7, diện tích 1.547,7 m² đất trồng cây lâu năm; thửa đất số 5, diện tích 1.785, 3 m² đất nuôi trồng thủy sản, kết quả xác minh và thẩm định tại chỗ xác định mang tên ông Phùng Văn N, địa chỉ thửa đất tại thôn Khuôn R, xã Phúc U, huyện Sơn D, thể hiện tại bút lục 234, 235 bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn kháng cáo cho rằng diện tích đất nêu trên là do vợ chồng ông D bà T1 tự khai phá nhưng trong quá trình giải quyết vụ án từ cấp sơ thẩm cũng như phúc thẩm đương sự kháng cáo không cung cấp được tài liệu giấy tờ chứng minh diện tích đất nêu trên là của bị đơn khai phá. Do vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền.

Đối với kháng cáo yêu cầu định giá lại diện tích là di sản thừa kế, Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành định giá tài sản ngày 08/10/2021, sau khi định giá tài sản, người đại diện theo ủy

quyền của bị đơn có đơn đề nghị Toà án cấp sơ thẩm định giá lại, ngày 09/12/2021 Toà án cấp sơ thẩm đã tổ chức định giá lại tài sản theo quy định. Do vậy, việc bị đơn và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm định giá lại nhưng không đưa ra được căn cứ để định giá lại, nên không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo đề nghị xem xét công sức tu bổ, duy trì bảo quản di sản thừa kế cho vợ chồng ông D bà T1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cụ Phùng Văn N chết năm 2013, sau khi cụ N chết cụ La Thị A cùng các con của cụ A, trong đó có Phùng Văn D vẫn quản lý sử dụng di sản của cụ N cũng như tài sản của cụ A đến ngày 01/6/2020 thì xảy ra tranh chấp và đồng nguyên đơn khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ N, Từ khi cụ N mất đi các đồng bị đơn không làm thay đổi để tăng thêm giá trị di sản của cụ N, do vậy, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đề nghị xem xét công sức tu bổ, duy trì bảo quản di sản thừa kế cho vợ chồng ông D bà T1 là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ N và cụ A, HĐXX thấy rằng:

Cụ Phùng Văn N, sinh năm 1922, mất ngày 07/4/2013 và cụ La Thị A, sinh năm 1929, mất ngày 16/11/2020, ông Phùng Tuấn Kh, sinh năm 1957, mất ngày 11/01/2020 được thể hiện tại các bút lục 34; 35; 70. Nhưng Toà án cấp sơ thẩm xác định Cụ N mất năm 2013, cụ A mất ngày 28/12/2020, ông Kh mất tháng 01/2020 là không chính xác, không xác định đúng thời điểm mở thừa kế của người để lại di sản, mặc dù không ảnh hưởng đến quyền lợi của người được hưởng di sản, nhưng Toà án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm khi xác định cụ thể ngày, tháng, năm của người để lại di sản mất, để xác định đúng thời điểm mở thừa kế và những người được hưởng di sản thừa kế.

Cụ N và cụ A sinh được 04 người con là ông Phùng Tuấn Kh, sinh năm 1957, chết ngày 11/01/2020, Ông Phùng Văn L, sinh năm 1963, Ông Phùng Văn D, sinh năm 1963 và Bà Phùng Thị T, sinh năm 1969. Quá trình chung sống vợ chồng cụ N và cụ A tạo dựng được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất gồm các thửa đất: Thửa 183, diện tích đất 828 m²; Thửa 182, diện tích đất 802 m²; Thửa 170, diện tích đất 308 m²; Thửa 193, diện tích đất 84 m²; Thửa 192, diện tích đất 124 m²; Thửa 191, diện tích đất 184 m²; Thửa 166, diện tích đất 600 m²; Thửa 209, diện tích đất 400 m²; Thửa 209, diện tích đất 8.460 m², tổng diện tích đất là 11.790 m², tất cả các thửa đất nêu trên đều thuộc tờ bản đồ số 45, địa chỉ tại Thôn Khuôn R, xã Phúc U, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q, đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Sơn D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số C 509074, ngày 08 tháng 4 năm 1996 đứng tên Phùng Văn N, thời hạn sử dụng đất đến tháng 12 năm 2065, tài sản trên đất là 01 nhà sàn cột gỗ, vách sàn gỗ.

Năm 2011 và năm 2012 cụ N đã chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông Phùng Văn H2 và bà Nguyễn Thị Nh với diện tích đất là 706,4m², trong đó có 100m² đất ở nông thôn, 606m² đất trồng cây lâu năm, vợ chồng ông H2 và bà Nh đã được cấp giấy CNQSD đất.

Đối với diện tích đất được thể hiện tại mảnh trích đo hiện trạng sử dụng đất gồm các thửa số 1, 2, 3, 4, mục đích sử dụng đất trồng lúa đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phùng Văn N; thửa đất số 8, diện tích 1.163,6 m², đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 135 đo đạc năm 2012 được thể hiện tại sổ địa chính, sổ mục kê lưu giữ tại UBND xã Phúc mang tên ông Phùng Văn N, chưa được cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất cụ N đã chuyển nhượng cho ông H2 và bà Nh các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Cụ N, mất ngày 07/4/2013 không để lại di chúc, trước khi cụ N mất, ngày 15/10/2012, cụ N và cụ A đã viết đơn đề nghị gửi UBND xã Phúc U với nội dung cụ N, cụ A giao cho Ông Phùng Văn D, Bà Nông Thị T1 sổ bìa đỏ, nội dung của đơn không thể hiện tặng cho hay chuyển nhượng đất đối với ông D bà T1, do vậy không có căn cứ xem xét, bút lục 360, 361. Cụ A mất ngày 16/11/2020, trước khi cụ A mất, ngày 09/11/2017 cụ A lập hợp đồng tặng cho Ông Phùng Văn D, Bà Nông Thị T1 quyền sử dụng đất, có chứng thực của UBND xã Phúc U, nhưng nội dung của hợp đồng không thể hiện việc cụ A tặng cho ông D, bà T1 quyền sử dụng đất bao nhiêu m², tại thửa đất nào, bút lục 282, 283, 284. Do vậy, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ A với ông D, bà T1 không có cơ sở xem xét.

Đối với bản di chúc của cụ La Thị A lập ngày 20/9/2020. Hội đồng xét xử thấy rằng, di chúc được lập thành văn bản có chứng thực của UBND xã Cư A, huyện EH, tỉnh ĐL. Bản di chúc bằng văn bản có chứng thực, người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc, không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép. Nội dung của bản di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội, hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật. Do vậy, bản di chúc của cụ La Thị A lập ngày 20/9/2020 là bản di chúc hợp pháp. Bản di chúc thể hiện bà La Thị A thừa kế $\frac{1}{2}$ di sản của cụ A được chia với cụ N và thừa kế phần di sản của cụ A cho Ông Phùng Văn D.

Di sản của cụ Phùng Văn N và cụ La Thị A gồm các di sản như sau: Diện tích đất 1.547,7 m², đất trồng cây lâu năm, (thửa đất số 7 của mảnh trích đo); Diện tích đất 6.039,2 m², (thửa đất số 10 của mảnh trích đo), trong đó 210 m² đất ở nông thôn và 5.829,2 m² đất trồng cây lâu năm liền kề đất ở, tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 135; Diện tích đất 1.785,3 m², đất nuôi trồng thủy sản, thửa đất số 5 của mảnh trích đo; Diện tích đất 1.296,3 m², trong đó 90 m² đất ở nông thôn và 1.206, 3 m² đất trồng cây lâu năm liền kề đất ở, tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 135; 01 (Một) nhà sàn cột gỗ, vách sàn gỗ là di sản của Di sản của cụ Phùng Văn N và cụ La Thị A.

Tại các biên bản định giá tài sản ngày 08/10/2021 và ngày 09/12/2021, giá đất nuôi trồng thủy sản 43.000 đồng/m²; giá đất ở nông thôn nằm trong cùng thửa đất cây trồng lâu năm bám trục quốc lộ 2C đoạn từ bãi khai thác đá thôn Khuân Th đến đỉnh đèo Khuân J xã Phúc U (đi về hướng đèo Khuân J) có giá 1.200.000 đồng/m²; giá đất trồng cây lâu năm nằm trong cùng thửa đất ở nông thôn bám trục đường quốc lộ 2C đoạn từ bãi khai thác đá thôn Khuân Th đến đỉnh đèo Khuân J xã Phúc U (đi về hướng đèo Khuân J) có giá 1.050.000 đồng/m²; Tài sản gắn liền với đất: Nhà sàn cột gỗ, tổng diện tích xây dựng 240, 25 m², giá trị sử dụng còn lại 59.879.000 đồng.

Tổng cộng diện tích đất của cụ N và cụ A là 10.668,5 m², có trị giá là 7.938.091.400 đồng (*Bảy tỷ chín trăm ba mươi tám triệu, không trăm chín mươi một nghìn, bốn trăm đồng*). Trong đó cụ A được chia $\frac{1}{2}$ diện tích đất là 5.334,25 m² có trị giá là 3.969.045.700 đồng. Do vậy di sản thừa kế của cụ N là 5.334,25 m² đất có trị giá là 3.969.045.700 đồng.

Tổng cộng Ông Phùng Văn D được chia diện tích đất 7.586,9 m², có trị giá là 6.486.708.500 đồng. Đồng nguyên đơn Ông Phùng Văn L, Bà Phùng Thị T, Anh Phùng Thế H được chia 3.081,6 m², có trị giá 1.451.382.900 đồng.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông D, bà T1 và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn. Giữ nguyên

Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST, ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, như ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phúc thẩm.

[4]. Về án phí: Do Ông Phùng Văn D là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm. Bà T1 phải chịu án phí đối với yêu cầu kháng cáo không được toà án chấp nhận.

[5]. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ông Phùng Văn D, Bà Nông Thị T1 và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, về việc đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét việc nguyên đơn khởi kiện chỉ yêu cầu chia thừa kế thừa đất số 209, tờ bản đồ số 45, diện tích đất 8.153, 6 m². Nay Toà án cấp sơ thẩm chia cả phần diện tích đất vợ chồng ông D bà T1 khai phá tại các thửa đất theo mảnh trích đo kiểm tra hiện trạng là thửa đất số 7, diện tích 1.547m² đất trồng cây lâu năm; thửa đất số 5, diện tích 1.785m² đất nuôi trồng thủy sản là trái quy định của pháp luật. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Ông Phùng Văn D, Bà Nông Thị T1, đề nghị định giá lại và yêu cầu xem xét công sức tu bổ, duy trì bảo quản di sản thừa kế.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2023/DS-ST, ngày 07/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn Ông Phùng Văn L, Bà Phùng Thị T, Anh Phùng Thế H:

Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/9/2019 giữa Ông Phùng Văn D, Bà Nông Thị T1 với Ông Nguyễn Xuân Tr, Ông Phạm Văn Đ không có giá trị pháp lý.

Đơn đề nghị (biên bản họp gia đình) ngày 15/10/2012 của cụ Phùng Văn N và La Thị A không có giá trị pháp lý.

Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 02/6/2017 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Phúc U, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q không hợp pháp. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập 09/11/2017 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Phúc U, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q không có giá trị pháp lý.

Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của cụ Phùng Văn N.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của đồng bị đơn Ông Phùng Văn D, Bà Nông Thị T1.

Công nhận Di chúc của cụ La Thị A lập ngày 20/9/2020 có chữ ký người làm chứng Hoàng Văn G, Trần Văn L1 và xác nhận của UBND xã Cư A, huyện EH, tỉnh DL hợp pháp.

Xác định diện tích 10.668,6m² đất tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 135 đo vẽ địa chính năm 2012, thuộc Thôn Khuôn R, xã Phúc U, huyện Sơn D, tỉnh Tuyên Q là di sản thừa kế của cụ Phùng Văn N và cụ La Thị A. Diện tích đất trên được thể hiện tại mảnh trích đo hiện trạng sử dụng đất đã chỉnh lý bổ sung là: thửa số 5 là diện tích 1.785,3m² đất nuôi trồng thủy sản; thửa số 9 diện tích 1.296,3m² và thửa số 10 diện tích 6.039,2m² là đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm liền đất ở (trong đó có 300m² đất ở nông thôn, 7.035,6m² đất trồng cây lâu năm liền đất ở); thửa số 7 là diện tích 1.547,7 m² đất trồng cây lâu năm.

3. Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Phùng Văn N như sau:

- Ông Phùng Văn D được quyền sở hữu, sử dụng 1.547,7 m² đất trồng cây lâu năm (thửa số 7 của mảnh trích đo), 6.039,2m² đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm liền đất ở (thửa số 10 của mảnh trích đo), trong đó có 210m² đất ở nông thôn, 5.829,2m² đất trồng cây lâu năm liền đất ở tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 135 đo vẽ địa chính hiện trạng sử dụng năm 2012, thuộc thôn Khuôn R, xã Phúc U, huyện Sơn D và tài sản trên đất là nhà sàn cột gỗ, vách sàn gỗ. Tổng giá trị tài sản 6.486.708.500 đồng (*Sáu tỷ bốn trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm linh tám nghìn năm trăm đồng*).

Ranh giới, vị trí, kích thước thửa đất được giới hạn bởi các điểm nối liền liên tiếp: 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 72, 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 2; (có mảnh trích đo hiện trạng thửa đất, đã được chỉnh lý bổ sung lần 2, ngày 09/6/2023 kèm theo).

- Ông Phùng Văn L, Bà Phùng Thị T, ông Phùng Tuấn Kh (do vợ và các con của ông Kh là Bà Phạm Thị B, Anh Phùng Thế H, Phùng Thế Ch và Chị Phùng Thị Diệu L2 hưởng thừa kế) được quyền đồng sở hữu, sử dụng 1.785,3 m² đất nuôi trồng thủy sản (thửa số 5 của mảnh trích đo), 1.296,3m² đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm liền đất ở (thửa số 9 của mảnh trích đo), trong đó có 90m² đất ở nông thôn, 1.206,3m² đất trồng cây lâu năm liền đất ở tại thửa đất số 89, tờ bản đồ số 135 đo vẽ địa chính hiện trạng sử dụng năm 2012, thuộc thôn Khuôn R, xã Phúc U, huyện Sơn D. Tài sản trên do Anh Phùng Thế H nhận thay. Tổng giá trị của đồng nguyên đơn được hưởng là 1.451.382.900 đồng (*Một tỷ bốn trăm năm mươi một triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn, chín trăm đồng*).

Ranh giới, vị trí, kích thước thửa đất được giới hạn bởi các điểm nối liền liên tiếp: 1, 2, 29, 30, 31, 32, 33, 28, 27, 26, 25, 38, 37, 36, 35, 34, 33, 1. (có mảnh trích đo hiện trạng thửa đất, đã được chỉnh lý bổ sung lần 2, ngày 09/6/2023 kèm theo).

Ông Nguyễn Xuân Tr và Ông Phạm Văn Đ có quyền khởi kiện Ông Phùng Văn D, Bà Nông Thị T1 về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phùng Văn D là người cao tuổi nên ông D được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm, Bà Nông Thị T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai tạm ứng án phí phúc số 0002983 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, bà T1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (27/3/2024).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- Các đương sự;
- Văn phòng TA tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nam